TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2021/ HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 01 - 2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nga;

Bà Kiều Việt Phương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2020/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Biên T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Lương Hữu H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn N1, xã HD, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị Biên T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Biên T và anh Lương Hữu H tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã HD ngày 25/4/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về phía cha mẹ chồng ở xã HD sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh H không tôn trọng vợ và cha mẹ vợ cũng như bà con phía vợ; đến đầu năm 2020 chị về nhà cha mẹ đẻ ở, từ đó cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lương Hữu Hưng T1, sinh ngày 20/5/2015; hiện cháu T1 đang ở với anh H. Khi ly hôn chị T đồng ý giao anh H trực tiếp nuôi cháu T1, chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, tính từ tháng 01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị T thay đổi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Lương Hữu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H đồng ý với ý kiến của chị T về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân hiện nay.

Việc chị T yêu cầu ly hôn anh H, anh H không đồng ý. Vì anh còn thương yêu vợ, không muốn ly hôn.

- Về con chung: Thống nhất như lời trình bày của chị T; vợ chồng chồng có 01 con chung tên Lương Hữu Hưng T1, sinh ngày 20/5/2015; hiện cháu T1 đang ở với anh H. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1, chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh H đồng ý.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị T và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau thời gian sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu được ly hôn anh H là có căn cứ. Áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84,110 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Biên T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Biên T được ly hôn với anh Lương Hữu H.

Về con chung: Giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Hữu Hưng T1, sinh ngày 20/5/2015. Chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, tính từ tháng 01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Biên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 21/10/2020, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn chị Đỗ Thị Biên T đối với bị đơn anh Lương Hữu H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Biên T kết hôn với anh Lương Hữu H và có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2013 tại UBND xã HD, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chị T và anh H sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh H không tôn trọng vợ và cha mẹ vợ cũng như bà con phía vợ. Đầu năm 2020 chị T về nhà cha mẹ đẻ ở, từ đó cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị T yêu cầu được ly hôn anh H, anh H không đồng ý ly hôn chị T vì anh vẫn còn thương yêu chị và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp khắc phục, sửa chữa khuyết điểm để níu kéo chị T về đoàn tụ. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*". Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, thấy rằng anh H đã

vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc đích thực cho họ nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lương Hữu Hưng T1, sinh ngày 20/5/2015. Các đương sự đều thừa nhận, hiện nay con đang với với anh H, anh H có nhà riêng, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; chị T còn ở chung với cha mẹ đẻ, thu nhập chưa ổn định. Theo đơn khởi kiện, chị T đồng ý giao anh H tiếp tục trực tiếp nuôi cháu T1; tuy nhiên, tại phiên tòa, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nên giao cho anh H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, tính từ tháng 01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi, nên ghi nhận sự tự nguyện của chị T là phù hợp với Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng và nghĩa vụ trả nợ: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện NH về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị Đỗ Thị Biên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) phần yêu cầu ly hôn và phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, là phù hợp Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Biên T được ly hôn với anh Lương Hữu H.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Hữu Hưng T1, sinh ngày 20/5/2015 cho anh H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), tính từ tháng 01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Biên T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004651 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị Biên T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Sung vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện NH;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS huyện NH;
- UBND xã HD, huyện NH;
- Lưu Hồ sơ + Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Chí Ngãi